TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-6-2023
V/v "*Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Trung Hiến**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Nguyễn Thanh Tùng**

2/ Ông **Nguyễn Văn Sang**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ* tham gia phiên tòa: Ông **Tô Minh Phú** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công kH vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 101/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về *"Tranh chấp ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2023/QĐ-ST ngày 02 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Bé H**, sinh năm 1990 (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Tân An, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1987 (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số 12, tổ 50, khu vực 7, phường Hưng Phú, quận C, thành phố Cần Thơ.

Nguyễn Thanh P bị xử 02 năm 09 tháng tù giam về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo bản án số 45/2023/HSST ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2023 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Lê Bé H trình bày:

Qua tìm hiểu bà Lê Bé H và ông Nguyễn Thanh P tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hưng Phú, quận C, thành phố Cần Thơ vào ngày 15/01/2013. Vợ chồng sống hạnh phúc được gần 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cải, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Cả H đã cố hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay. Vì vậy, bà H làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ giải quyết cho bà H vấn đề sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà H được ly hôn với ông Nguyễn Thanh P.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trung T(nam), sinh ngày 25/12/2013. Cháu Thiện tại đang sống với bà H. Sau khi ly hôn bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con đến trưởng thành. Không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự kH ngày 16/5/2023 bị đơn ông Nguyễn Thanh P trình bày*: Ông và bà Lê Bé H gặp nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hưng Phú, quận C, thành phố Cần Thơ. Ông P và bà Bé H chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm. Trước yêu cầu ly hôn của bà Lê Bé H thì ông P có ý kiến như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông P đồng ý ly hôn với bà Lê Bé H.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trung T(nam); sinh ngày 25/12/2013. Sau khi ly hôn ông P đồng ý giao cháu Tcho bà Bé H trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngoài ra, ông P còn có yêu cầu giải quyết vắng mặt với lý do là ông P đang chấp hành án cho nên không thể tham dự phiên hòa giải và phiên tòa.

Vụ án không hòa giải được. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt cho nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy mâu thuẫn giữa bà Hải và ông P đã thật sự nghiêm trọng, đời sống hôn nhân không đạt

được, bị đơn đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Bà H và ông P tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Hưng Phú, quận C, thành phố Cần Thơ vào ngày 15/01/2013 nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, bà H và ông P phát sinh mâu thuẫn, bà H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "*Tranh chấp ly hôn*". Bị đơn có địa chỉ tại quận C cho nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà Lê Bé H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn – ông Nguyễn Thanh P đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà H và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt cho nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án (vắng mặt nguyên đơn và bị đơn) theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân:* Bà H và ông P chung sống năm 2013 và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/01/2013 tại Ủy ban nhân dân phường Hưng Phú, quận C, thành phố Cần Thơ. Bà H và ông P sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại bản tự kH ngày 16/5/2023 ông P xác nhận giữa bà H và ông P có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm và ông P cũng đồng ý ly hôn với bà H. Điều này chứng tỏ giữa bà H và ông P đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung*: Cả H kH thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Trung T(nam), sinh ngày 25/12/2013. Cháu Thiện tại đang sống với bà H. Sau khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Tđến khi trưởng thành. Không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*".

Tại biên bản lấy kH ngày 02/6/2023 thì cháu Tcó nguyện vọng sống với mẹ (bút lục 33). Ngoài ra, hiện tại cháu Tđang sống chung với bà H. Bà H cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Tđến khi trưởng thành. Tại bản tự kH ngày 16/5/2023 ông P đồng ý giao cháu Tcho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Nhằm tạo điều kiện về mặt vật chất và tinh thần cho cháu Ttránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu.

Vì vậy, việc giao cháu Tcho bà H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp quy định pháp luật và cũng đảm bảo cuộc sống cho cháu Tính. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông P cấp dưỡng cho nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông P theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn và bị đơn kH là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn bà Lê Bé H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Bé H về việc ly hôn với ông Nguyễn Thanh P.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Bé H được ly hôn với ông Nguyễn Thanh P.

2. *Về con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Trung T(nam), sinh ngày 25/12/2013. Giao cháu Tcho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ghi nhận bà H không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông P theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Lê Bé H phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0003138 ngày 10/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự, quận C thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm phải chịu. Bà H đã nộp xong án phí.

5. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND QCR;
- Chi cục THADS quận C;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Trung Hiến